

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 32 -CTr/TU ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 17/TTr-SKHCN ngày 21/02/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 03/NQ-CP) và Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 32-CTr/TU).

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP, Chương trình hành động số 32-CTr/TU, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là giải pháp đột phá quan trọng, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa tỉnh Bình Định phát triển bứt phá, giàu mạnh trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nơi ứng dụng trí tuệ nhân tạo quan trọng của Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức cao hơn so với bình quân chung của cả nước; nhóm 20 tỉnh đứng đầu cả nước về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính quyền số; nhóm 10 tỉnh thành dẫn đầu về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, an ninh mạng; trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà tỉnh có lợi thế.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức từ 50% trở lên. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP của tỉnh. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 30% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh duy trì ở mức trên 0,75.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội hoá chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập được sắp xếp lại bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có ít nhất 04 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng trong nước và quốc tế; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16-18%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8-10%.

- Xây dựng Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ theo chiến lược phát triển khoa học công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ. Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học. Xây dựng khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung tỉnh.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; từng bước ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại thành phố Quy Nhơn và thị xã An Nhơn. Thu hút ít nhất 03 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn thế giới đặt trụ sở hoặc đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bình Định.

- Quản lý nhà nước từ tỉnh đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ liệu các

ngành. Hình thành Trung tâm dữ liệu của tỉnh. Đảm bảo an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa tỉnh Bình Định trở thành trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nơi ứng dụng trí tuệ nhân tạo quan trọng của Việt Nam;

- Tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu có quy mô kinh tế số đạt trên 50% GRDP, hướng tới phát triển kinh tế - xã hội bền vững; Thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII); đạt tỷ lệ 01 doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân; có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 03 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn thế giới đặt trụ sở hoặc đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bình Định.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP, Chương trình hành động số 32-CTr/TU theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác.

b) Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

c) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ chuyển đổi số.

d) Phân đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học công nghệ trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan đơn vị nhà nước của tỉnh, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

đ) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản; Triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở, cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

e) Triển khai phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

g) Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số.

h) Tiếp tục rà soát và triển khai thực hiện quy chế xét chọn và tôn vinh danh hiệu “Trí thức tiêu biểu về khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định”.

i) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả và nâng cao xếp hạng Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo ở địa phương – PII của tỉnh thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), qua đó, xây dựng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện các thể chế liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, những vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

b) Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đầu tư, thu hút nguồn nhân lực để thu hút đầu tư vào Trung tâm trí tuệ nhân tạo và Đô thị phụ trợ Long Vân, Khu đô thị Khoa học Quy Hòa trong các lĩnh vực chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng...

c) Triển khai hướng dẫn, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật CSDL tỉnh, CSDL chuyên ngành. Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Giao dịch điện tử.

d) Triển khai Cổng dữ liệu mở và thực hiện mở dữ liệu phục vụ hiệu quả cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng và triển khai Đề án phát triển ngành công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng.

b) Xây dựng Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ theo chiến lược phát triển khoa học công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ; Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học và các tổ

chức nghiên cứu phát triển công lập khác.

c) Tham gia mạng lưới kết nối Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo với các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Phân đầu đến năm 2030, có ít nhất 03 dự án, chương trình trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số,.... được triển khai tại tỉnh.

d) Đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu của tỉnh. Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của tỉnh; các cơ sở dữ liệu dùng chung để phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các sáng kiến dữ liệu mở của tỉnh. Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

đ) Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

e) Đẩy mạnh hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; đào tạo nhân lực công nghệ số. Triển khai thực hiện hiệu quả các chiến lược đã ban hành về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng; Khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghệ chiến lược.

g) Triển khai các nền tảng số của tỉnh, nền tảng số dùng chung của các ngành theo danh mục đã được ban hành; bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

h) Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số.

i) Tập trung phát triển hạ tầng số; các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số.

k) Thúc đẩy ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...; triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

4. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục STEM cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh. Triển khai các chương trình, đa dạng hóa phương thức tổ chức giáo dục STEM cho học sinh trên địa bàn tỉnh; xây dựng kho học liệu trực tuyến cho giáo dục STEM; ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo vào xây dựng, tổ chức trải nghiệm STEM.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về chip bán dẫn, AI và an toàn thông tin mạng.

c) Triển khai các chính sách phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

d) Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế.

đ) Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, cao đẳng nhằm tạo một hệ sinh thái trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện các đề án chuyển đổi số tỉnh trên các ngành, lĩnh vực của tỉnh, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

b) Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng, ứng dụng dùng chung cốt lõi phục vụ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị. Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tổ chức số hóa dữ liệu của các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; chuẩn hóa dữ liệu đã được số hóa, chia sẻ thông tin về Kho dữ liệu tập trung dùng chung để phân tích, dự báo, phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành.

c) Nghiên cứu, triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nhất là để triển khai DVCTT toàn trình cho các TTHC chưa đủ điều kiện; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

d) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

đ) Xây dựng quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ dữ liệu và an toàn thông tin trong hoạt động chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

e) Triển khai các giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

g) Xây dựng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

h) Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

i) Triển khai phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quân đội.

k) Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử,

nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, quản lý doanh nghiệp...

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho chuyên đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và khai thác giá trị sáng chế, giải pháp hữu ích.

b) Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

c) Có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số, khai thác tốt thị trường chuyên đổi số trong nước. Triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

d) Triển khai khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

đ) Thường xuyên rà soát, xây dựng danh mục dự án thu hút doanh nghiệp công nghệ lớn thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bình Định theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Bình Định đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Bình Định; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Bình Định với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.

e) Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số.

g) Triển khai thực hiện bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyên đổi số.

h) Xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, thương mại, du lịch, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics,...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về khoa học, công nghệ, chuyên đổi số, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác; Học tập kinh nghiệm, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Bình Định;

b) Phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm ICISE để thu hút các nhà khoa học, sinh viên đam mê khoa học đến với tỉnh; kết nối với các nhà khoa học trong và

ngoài nước với tinh đề đặt hàng nghiên cứu, đề xuất, triển khai các nhiệm vụ KH&CN có quy mô lớn, đột phá.

c) Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, vật lý thiên văn, đào tạo STEM,...

d) Kết nối cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Bình Định ở ngoài tỉnh và nước ngoài, thu hút và phát huy có hiệu quả đội ngũ chuyên gia, trí thức, nhà khoa học, doanh nhân Bình Định trong và ngoài nước.

(Có Phụ lục danh mục các nhiệm vụ thể kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch đã ban hành, liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với kế hoạch này.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh, định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp cuối năm.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của Tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K9, K20

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 37 /KH-UBND ngày 26 / 02/2025 của UBND tỉnh)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kết quả | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|----------|--|---------|---|---|
| I | Đến năm 2030 | | | |
| 1 | Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo | Thứ bậc | Đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 2 | Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp | Thứ bậc | Đạt mức trên trung bình của Việt Nam | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 3 | Xếp hạng năng lực cạnh tranh số | Thứ bậc | ≤ 20 Việt Nam | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 4 | Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền số | Thứ bậc | ≤ 20 Việt Nam | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 5 | Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn và an ninh mạng | Thứ bậc | ≤ 10 Việt Nam | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 6 | Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế | % | ≥ 50 | Sở Tài Chính |
| 7 | Quy mô kinh tế số | % GRDP | ≥ 30 | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Chính |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kết quả | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----|--|--------|---------|------------------------------------|
| 8 | Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử | | | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.1 | <i>Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp</i> | % | ≥ 80 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.2 | <i>Tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện</i> | % | 90 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.3 | <i>Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính</i> | % | 100 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.4 | <i>Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử</i> | % | 100 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.5 | <i>Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công</i> | % | 80 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.6 | <i>Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công</i> | % | 85 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.7 | <i>Tỉ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền</i> | % | 100 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.8 | <i>Tỉ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép</i> | % | 50 | Văn phòng UBND tỉnh |
| 8.9 | <i>Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính</i> | % | 100 | Sở Khoa học và Công nghệ |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kết quả | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|------|---|-----------------------------------|--|---|
| | <i>nhà nước</i> | | | |
| 8.10 | <i>Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử</i> | % | 100 | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ |
| 8.11 | <i>Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử</i> | % | 100 | Văn phòng UBND tỉnh Sở Khoa học và Công nghệ |
| 9 | Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt | % | ≥ 80 | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh |
| 10 | Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo | % | ≥ 30 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 11 | Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Bình Định duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) | Chỉ số phát triển con người (HDI) | $>0,75$ | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 12 | Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) | % GRDP | 2 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 13 | Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) | % | > 60 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 14 | Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia | % tổng chi NSNN | $\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển | Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố |
| 15 | Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo | Người/vạn dân | 12 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 16 | Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng | Tổ chức | 04 | Sở Khoa học và Công nghệ |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kết quả | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|------|--|-----------------------|--|--|
| | trong nước và quốc tế | | | |
| 17 | Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình | %/năm | 16 - 18 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 18 | Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại | % | 8 - 10 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 19 | Hạ tầng số | | Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các thành phố trực thuộc Trung ương | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 19.1 | <i>Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.</i> | % | 100 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 19.2 | <i>Phủ sóng 5G cho người dân</i> | % dân số | 99 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 20 | Triển khai Đề án đô thị thông minh tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn | Thành phố | 02 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 21 | Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới đặt trụ sở hoặc đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bình Định | Tổ chức, doanh nghiệp | ≥ 03 | Sở Tài Chính |
| 22 | Quản lý nhà nước từ Tỉnh đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị | % | 100 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 23 | Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ | % | 100 | Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kết quả | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|--|--------------------------|-----------|---|
| | liệu các ngành | | | |
| 24 | Hình thành Trung tâm dữ liệu tỉnh | Trung tâm dữ liệu tỉnh | 01 | Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành |
| 25 | Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác | % | ≥ 95 | Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh |
| 26 | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân | % | ≥ 70 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 27 | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử | % | ≥ 95 | Sở Y tế |
| 28 | Xếp hạng về an toàn thông tin mạng | Thứ bậc | ≤ 20 | Công an tỉnh |
| II | Đến năm 2045 | | | |
| 29 | Quy mô kinh tế số | % GRDP | ≥ 50 | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Chính |
| 30 | Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) | Thứ bậc | ≤ 20 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 31 | Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số | Số doanh nghiệp/1000 dân | 1 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 32 | Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến | Doanh nghiệp | ≥ 02 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 33 | Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới đặt trụ sở hoặc đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bình Định | Tổ chức, doanh nghiệp | ≥ 03 | Sở Tài Chính |

**Phụ lục II**

(Kèm theo Kế hoạch số 37 /KH-UBND ngày 26 / 02/2025 của UBND tỉnh)

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|----|---|---|--|-------------------|----------------------|
| I. | Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia | | | | |
| 1. | Triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 03/NQ-CP, Chương trình hành động số 32 -CTr/TU theo hướng đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể. | Sở Khoa học và Công nghệ | Ban Tuyên giáo – Dân vận Tỉnh ủy; các Sở, ngành, địa phương; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Bình Định | Văn bản hướng dẫn | 06/2025 |
| 2. | Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh, báo điện tử và mạng xã hội. | Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định | Sở Khoa học và Công nghệ | Chương trình | Hàng tháng |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|----|---|---------------------------|--|-----------------------------------|----------------------|
| 3. | Triển khai phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân. | Các Sở, ngành, địa phương | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo | Văn bản hướng dẫn | Thường xuyên |
| 4. | Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh | 2026 |
| 5. | Triển khai thực hiện Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước. | Sở Nội vụ | Các Sở, ngành, địa phương | Đề án | 2026 |
| 6. | Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. | Các Sở, ngành, địa phương | | Kế hoạch công tác | Thường xuyên |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|-------------------------------------|---------------------------|---|-----------------------|
| 7. | Xây dựng kế hoạch triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ. | Các Sở, ngành, địa phương | | Kế hoạch của các Sở, ngành, địa phương | 03/2025 |
| 8. | Phân đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học công nghệ trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước. | Sở Nội vụ | Sở, ngành, địa phương | Tỷ lệ cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo tối thiểu đạt 25%. | Nhiệm vụ thường xuyên |
| 9. | Triển khai nền tảng đào tạo trực tuyến mở cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | Nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà | 2026 |
| 10. | Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản. | Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | Quyết định của cấp có thẩm quyền | 2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---------------------|---|-----------------------------------|----------------------|
| 11. | Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, động viên kịp thời để các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất | Sở Nội vụ | Các Sở, ngành, địa phương | Văn bản hướng dẫn thực hiện | 12/2025 |
| 12. | Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng cung cấp và thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan | Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy | 03/2026 |
| 13. | Kế hoạch đổi mới công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan | Kế hoạch của UBND tỉnh Bình Định | 03/2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|------------|---|--------------------------|---------------------------|----------------------------------|----------------------|
| 14. | Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao xếp hạng Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo ở địa phương – PII của tỉnh thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), qua đó, xây dựng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | Kế hoạch của UBND tỉnh Bình Định | Hàng năm |
| II. | Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện các thể chế liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, những vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số | | | | |
| 15. | Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đầu tư, thu hút nguồn nhân lực để thu hút đầu tư vào Trung tâm trí tuệ nhân tạo và Đô thị phụ trợ Long Vân, Khu đô thị Khoa học Quy Hòa trong các lĩnh vực chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng... | Sở Tài Chính | Sở Khoa học và Công nghệ | Chính sách được ban hành | 2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|--------------------------|---|---|----------------------|
| 16. | Tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật, Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được ban hành trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương có nội dung giao nhiệm vụ cho địa phương | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành có liên quan | Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản pháp luật | Thường xuyên |
| 17. | Triển khai hướng dẫn, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật CSDL tỉnh, CSDL chuyên ngành. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành có liên quan | Văn bản hướng dẫn định mức, đơn giá | Thường xuyên |
| 18. | Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Giao dịch điện tử | | Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành liên quan | Các quy trình nội bộ của các Sở, ngành, địa phương được ban hành. | 12/2025 |
| 19. | Triển khai Công dữ liệu mở và thực hiện mở dữ liệu phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành có liên quan | | 2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-------------|--|--------------------------|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| 20. | Huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. | Công an tỉnh | Bộ chỉ huy quân sự tỉnh | | 2026 |
| III. | Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia | | | | |
| 21. | Xây dựng Đề án phát triển ngành công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2025 |
| 22. | Tham gia mạng lưới kết nối Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo với các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài Chính | Mạng lưới kết nối | 2030 |
| 23. | Xây dựng Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ theo chiến lược phát triển khoa học công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ; Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học và các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập khác. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2025-2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--|---|---|----------------------|
| 24. | Triển khai các cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực. | Các sở, ngành | Các Sở, ngành | Báo cáo thực hiện | 2026 |
| 25. | Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược | Sở Tài chính | Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành, địa phương | Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | Hàng năm |
| 26. | Đẩy mạnh hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; đào tạo nhân lực công nghệ số. | Sở Tài Chính | Sở Khoa học và Công nghệ | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2026 |
| 27. | Triển khai thực hiện hiệu quả các chiến lược đã ban hành về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành, địa phương | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh, Các Báo cáo thực hiện | Thường xuyên |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|---|---|---|----------------------|
| 28. | Triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghệ chiến lược. | Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng | Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương | Các Báo cáo thực hiện | Thường xuyên |
| 29. | Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài Chính và các Sở, ngành, địa phương | Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2026 |
| 30. | Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng | Các Sở, ngành, địa phương | | Báo cáo thực hiện | Thường xuyên |
| 31. | Triển khai các nền tảng số của tỉnh, nền tảng số dùng chung của các ngành theo danh mục đã được ban hành; Bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. | Các Sở, ngành, địa phương | | Hoàn thành các nền tảng số | 12/2028 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|--|---------------------------------------|---|----------------------|
| 32. | Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | Nhiệm vụ tích hợp trong Đề án Chuyển đổi số | 2026 |
| 33. | Phát triển hạ tầng số, các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành, địa phương | Nhiệm vụ tích hợp trong Đề án Chuyển đổi số | 2026 |
| 34. | Xây dựng đô thị thông minh tại Thành phố Quy Nhơn và Thị xã An Nhơn | UBND Thành phố Quy Nhơn, UBND thị xã An Nhơn | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng | Nhiệm vụ tích hợp trong Đề án Chuyển đổi số | 12/2028 |
| 35. | Triển khai ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... | Các sở, ngành, địa phương | Các sở, ban, ngành, địa phương | Nhiệm vụ tích hợp trong Đề án Chuyển đổi số | 2026 |
| 36. | Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp | Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và Sở Công thương | Các sở, ban, ngành, địa phương | Kế hoạch được ban hành | 2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---|--------------------------|--|-----------------------------|
| 37. | Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của tỉnh; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành | Hoàn thành các CSDL dùng chung của các Sở, ngành | 2026 |
| 38. | Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến dữ liệu mở của tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành | Hoàn thành kết nối | 2025-2026 |
| 39. | Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ. | Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành | Khắc phục lỗ hổng bảo mật, hệ thống đảm bảo an ninh an toàn để kết nối khai thác dữ liệu, cắt giảm giấy tờ cho người dân, phục vụ công tác quản lý | 2025 - 2026 |
| 40. | Bảo đảm nguồn lực phục vụ di chuyển hệ thống công nghệ thông tin từ các sở, ngành, địa phương lên Trung tâm dữ liệu tỉnh | Sở Tài chính | Sở Khoa học và Công nghệ | | 2025 và những năm tiếp theo |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| IV. | Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia | | | | |
| 41. | Triển khai chính sách phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ, các sở, ngành, địa phương | | 2025 |
| 42. | Xây dựng và triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về chip bán dẫn, AI và an toàn thông tin mạng | Đại học Quy Nhơn | | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2026 |
| 43. | Tham mưu triển khai thực hiện chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, địa phương | Văn bản của cấp có thẩm quyền | 2025 |
| 44. | Xây dựng đề án phát triển giáo dục STEM cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh. | Sở Giáo dục và đào tạo | Sở Khoa học và Công nghệ | Đề án được phê duyệt | 2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--------------------------|--|---|----------------------|
| 45. | Xây dựng kho học liệu trực tuyến cho giáo dục STEM; triển khai các chương trình, đa dạng hóa phương thức tổ chức giáo dục STEM cho học sinh trên địa bàn tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Giáo dục và đào tạo | Hình thành hệ thống kho học liệu trực tuyến với các nội dung, bài giảng STEM theo các chủ đề có thể triển khai tại các trường học | 2026 |
| 46. | Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo vào xây dựng, tổ chức trải nghiệm STEM | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Giáo dục và đào tạo, Các sở ngành, địa phương | Phát triển cuộc thi STEM Robotics, trí tuệ nhân tạo cho học sinh; Vận hành phòng học STEM với trang thiết bị hiện đại. | Hàng năm |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--------------------------|---|-----------------------------------|----------------------|
| 47. | Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh nhằm tạo một hệ sinh thái trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở ngành, địa phương | Văn bản hợp tác | Thường xuyên |
| V. | Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh | | | | |
| 48. | Xây dựng Đề án chuyển đổi số tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | Hàng năm |
| 49. | Xây dựng quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan Đảng, HĐND, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 09/2025 |
| 50. | Triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tập trung | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Quyết định | 06/2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| 51. | Rà soát, thực hiện tái cấu trúc, đơn giản, tối ưu hóa các bước thực hiện, xây dựng eform đối với các dịch vụ công trực tuyến có phát sinh giao dịch đảm bảo thân thiện, dễ hiểu, dễ làm | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 09/2026 |
| 52. | Hoàn thành việc xây dựng phần mềm thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên điện thoại thông minh | Văn phòng UBND tỉnh | Sở KH-CN và các sở, ngành, địa phương | Đưa Hệ thống đi vào sử dụng | 12/2025 |
| 53. | Kế hoạch rà soát, tái cấu trúc, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 06/2025 |
| 54. | Xây dựng, triển khai “Hệ thống quản lý dữ liệu thủ tục hành chính tỉnh Bình Định” | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | Đưa Hệ thống đi vào sử dụng | 11/2025 |
| 55. | Xây dựng, triển khai Hệ thống theo dõi quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | Đưa Hệ thống đi vào sử dụng | 12/2025 |
| 56. | Xây dựng, triển khai Hệ thống khảo sát trực tuyến ý kiến người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | Đưa Hệ thống đi vào sử dụng | 05/2025 |
| 57. | Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP). | Các sở, ngành, địa phương | | Kế hoạch | 2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|---------------------------------|----------------------------|--|----------------------|
| 58. | Đảm bảo mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Nhiệm vụ tích hợp trong Đề án chuyển đổi số | 2025 |
| 59. | Xây dựng Kế hoạch và triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số | Công an tỉnh | | Kế hoạch | 2025 |
| 60. | Triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2025 |
| 61. | Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các địa phương | Các hệ thống, nền tảng số được triển khai | 2026 |
| 62. | Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông | Sở Xây dựng | | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2026 |
| 63. | Xây dựng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị, các địa phương | Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được xây dựng, phổ cập sử dụng | 12/2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|-------------------------|------------------|-----------------------------------|----------------------|
| 64. | Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng về đảm bảo an toàn, an ninh mạng | Công an tỉnh | | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2025 |
| 65. | Triển khai thực hiện Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng | Công an tỉnh | | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2025 |
| 66. | Triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ tự động hóa chỉ huy và hiện đại hóa quân đội | Bộ chỉ huy quân sự tỉnh | | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--|------------------|---------|----------------------|
| 67. | <p>Hoàn thành việc triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm¹:</p> <p>(1) Định danh tàu thuyền;</p> <p>(2) Định danh địa điểm;</p> <p>(3) Xây dựng nền tảng hợp đồng lao động điện tử sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.</p> <p>(4) Xây dựng sàn giao dịch bất động sản;</p> <p>(5) Ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử góp phần chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng;</p> <p>(6) Xây dựng sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền;</p> <p>(7) Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo;</p> <p>(8) Phát triển kinh tế đêm;</p> <p>(9) Mô hình du lịch thông tin;</p> <p>(10) Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 18 chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.</p> | <p>Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính</p> | | | 2025 |

¹ Theo phân công chi tiết trong chương trình hành động thực hiện Đề án 06

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|-----------------|------------------------------------|--|----------------------|
| 68. | Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử. | Công an tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | Quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế | 2025 |
| 69. | Triển khai giải pháp, công cụ của Bộ Y tế để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; để cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VneID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh | Sở Y tế | Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Công an tỉnh | Giải pháp, công cụ | 2025 |
| 70. | Triển khai Đề án chuyển đổi số của Bệnh viện đa khoa tỉnh | Sở Y tế | Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Công an tỉnh | Hoàn thành Đề án | 2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|------------|---|---|---------------------------|--|-----------------------------|
| 71. | Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử | Công an tỉnh, Sở Tài Chính, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Thuế tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | | 2025 và những năm tiếp theo |
| 72. | Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai | Các sở, ngành, địa phương | | | 2025 và những năm tiếp theo |
| VI. | Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp | | | | |
| 73. | Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Chính | Các sở, ngành, địa phương | Chương trình được ban hành, triển khai | 2026 |
| 74. | Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính | Các sở, ngành, địa phương | Kế hoạch triển khai Bộ tiêu chí | 09/2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|--------------------------|---------------------------|--|-----------------------------|
| 75. | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, số hóa quy trình, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu sản phẩm, xây dựng mô hình thử nghiệm sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp tạo ra sản phẩm, hàng hóa có năng suất cao, chất lượng tốt. | Các sở, ngành | Các địa phương | Chương trình được ban hành, triển khai | 2025 và những năm tiếp theo |
| 76. | Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và khai thác giá trị sáng chế, giải pháp hữu ích. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Chương trình được ban hành, triển khai | 2025 và những năm tiếp theo |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--------------------------|---------------------------|--|-----------------------------|
| 77. | Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Có ít nhất 03 dự án, chương trình trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số,... được triển khai tại tỉnh. | 2025 và những năm tiếp theo |
| 78. | Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyên đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh | 2025 |
| 79. | Triển khai khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Các khu công nghiệp công nghệ số được triển khai | 2028 |
| 80. | Triển khai thực hiện bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi số. | Sở Khoa học và Công nghệ | | | 2025 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-------------|---|---------------------------|---------------------------|---|----------------------|
| 81. | Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số. | Các sở, ngành, địa phương | - | Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành | 2026 |
| 82. | Xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,... | Các sở, ngành | - | Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành | 2026 |
| 83. | Thường xuyên rà soát, xây dựng danh mục dự án thu hút doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới đặt trụ sở hoặc đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bình Định theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Bình Định đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Bình Định; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Bình Định với tỷ lệ 1% – 3% doanh thu | Sở Tài Chính | Các sở, ngành, địa phương | Danh mục dự án thu hút đầu tư | Thường xuyên |
| VII. | Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số | | | | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--------------------------|-------------------------------------|---|----------------------|
| 84. | Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, vật lý thiên văn, đào tạo STEM,.... | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Đề án/thỏa thuận hợp tác | Thường xuyên |
| 85. | Phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm ICISE để thu hút các nhà khoa học, sinh viên đam mê khoa học đến với tỉnh; kết nối với các nhà khoa học trong và ngoài nước với tỉnh để đặt hàng nghiên cứu, đề xuất, triển khai các nhiệm vụ KH&CN có quy mô lớn, đột phá. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, trung tâm ICISE | Các nhiệm vụ KH&CN được đề xuất, triển khai | Thường xuyên |
| 86. | Kết nối cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Bình Định ở ngoài tỉnh và nước ngoài, tiếp cận, phát huy, kết nối hiệu quả và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương liên quan | Cơ sở dữ liệu | Thường xuyên |
| 87. | Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác; Học tập kinh nghiệm, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Bình Định; | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Đề án/thỏa thuận hợp tác | Thường xuyên |